

Số: /HĐND- KTNS

Cao Bằng, ngày tháng 5 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trình kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra các hồ sơ, dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trên cơ sở các hồ sơ dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình, thông qua các hoạt động khảo sát, giám sát; tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri, ý kiến tham gia của các đại biểu tham dự cuộc họp, Ban KTNS HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **A. DỰ THẢO 03 NGHỊ QUYẾT THUỘC CTMTQG**

**I. Dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**1. Về hồ sơ trình thẩm tra:** UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết**

- Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng NSDP thực hiện CT MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: Theo quy định tại khoản a, mục 5, Điều 7, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg. Căn cứ quy định nêu trên, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đúng quy định.

**3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành các nghị quyết:**

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng và trình HĐND tỉnh đảm bảo đúng quy trình và thẩm quyền, nội dung cơ bản đã bám sát các quy định của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ<sup>1</sup> (Quyết định 39). Ban cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo nghị quyết, tuy nhiên còn các ý kiến sau:

---

<sup>1</sup> Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng NSDP thực hiện CT MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

#### 4. Về thể thức văn bản

(1) Tại căn cứ ban hành văn bản đề nghị bổ sung 02 nội dung:

“- Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025”.

(2) Kết cấu bố cục của quy định kèm theo dự thảo nghị quyết: Ban nhất trí gồm 07 điều, tuy nhiên, đề nghị bổ sung 01 điều (để quy định Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Trung ương trung hạn và hằng năm), gộp Điều 6.Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh vào điều 7 Điều khoản thi hành. Theo đó, quy định kèm theo dự thảo nghị quyết có 07 điều sau:

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.

**Điều 2.** Đối tượng áp dụng.

**Điều 3.** Nguyên tắc phân bổ vốn.

**Điều 4.** Nguyên tắc phân bổ vốn NSTW trung hạn và hằng năm.

**Điều 5.** Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn NSNN cho các dự án.

**Điều 6.** Mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, huyện).

**Điều 7.** Điều khoản thi hành.

(3) Đề nghị sắp xếp lại thứ tự các nguyên tắc phân bổ theo quy định tại Quyết định số 39, theo đó: nguyên tắc “*Phân bổ vốn phải bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình*” đưa lên vị trí 2.

(4) Đề nghị căn cứ để khẳng định định mức phân bổ quy định mức “tối đa, tối thiểu” mà không quy định 1 con số, 1 tỷ lệ cứng? như vậy đã đúng ko?

**5. Đối với nội dung các Điều của Quy định Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSDP thực hiện CT MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Ban có một số ý kiến như sau:

##### (1) Về phạm vi điều chỉnh

+ Theo quy định tại Điều 1, Quyết định 39: nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ là “*căn cứ để lập kế hoạch*”, dự thảo đang đề là “*căn cứ để lập, thẩm định và giao kế hoạch*”. Đề nghị dự thảo bỏ cụm từ: “*thẩm định và giao*”

+ Khoản 5, điều 7 của Quyết định 39: trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “*...xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn NSNN trung hạn và*

*hàng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình HĐND cấp tỉnh quyết định*". Tuy nhiên, "phạm vi điều chỉnh" như dự thảo thì vốn đối ứng từ NSDP (ngân sách cấp tỉnh) chưa có nguyên tắc, tiêu chí phân bổ. Đề nghị làm rõ?

## **(2) Về nguyên tắc phân bổ vốn**

Để phù hợp với quy định về các đối tượng ưu tiên bố trí vốn quy định tại Quyết định 39, qua đó phân đầu thực hiện nhằm đạt các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình. Đề nghị bổ sung các đối tượng sau:

*"Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; Ưu tiên bố trí NSTW đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối (hệ thống cầu, đường giao thông), công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các huyện nghèo có nhiều xã biên giới, xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào DTTS sinh sống, có nhiều xã đặc biệt khó khăn nhưng chưa có địa điểm hoạt động"*.

## **(3) Về nguyên tắc phân bổ vốn NSTW trung hạn và hàng năm**

Đề nghị dự thảo bổ sung 01 điều để quy định nguyên tắc phân bổ vốn NSTW trung hạn và hàng năm. Việc bổ sung này là phù hợp với quy định tại Điều 4 Quyết định 39 và nguyên tắc phân bổ vốn không bị dàn trải.

## **(4) Về quy định mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, huyện)**

Đề nghị UBND tỉnh cân đối để đảm bảo nguồn vốn đối ứng thực hiện các CT MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025, hiện nay Ban KTNS nhận được văn bản của 06 huyện thì 03 huyện (Thạch an và Hà Quảng, Bảo Lâm không có nguồn đối ứng); 02 huyện (Hòa An và Hạ Lang nhất trí đối ứng 1,5% cho Chương trình); huyện Quảng Hòa: nhất trí đối ứng nhưng dự kiến gặp khó khăn. Các thành viên Ban cũng đề nghị để cấp huyện đối ứng 1% để nâng cao trách nhiệm các địa phương, vì vậy, ban đề nghị: quy định như sau:

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh tính toán dự kiến tổng số vốn cần phải đối ứng cho Chương trình giai đoạn 2021-2025 là bao nhiêu? Lý do đưa ra tỷ lệ vốn đối ứng giữa tỉnh và huyện? Tỷ lệ phân chia vốn từ tỉnh xuống huyện, xã?

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình rõ nguồn vốn đối ứng từ nguồn vốn chi đầu tư phát triển là bao nhiêu? Để đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 là những nguồn vốn nào tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng:

+ Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là: 2.651.671,126 triệu đồng, Trong đó:

+ Số vốn giảm dự phòng từ 10% xuống 5%: 184.364,196 triệu đồng.

- Tại báo cáo số 3431/BC-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh trình kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, UBND tỉnh đã dự kiến danh mục các nhiệm vụ, chương trình, dự án dự kiến sử dụng Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết và Số vốn giảm dự phòng từ 10% xuống 5% tại các phụ biểu số 5 và phụ biểu 6. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh báo cáo lại Hội đồng nhân dân tỉnh danh mục các dự án phải cắt giảm, giãn tiến độ để đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025; danh mục các dự án dự kiến bổ sung vào nguồn tăng thu ngân sách địa phương (nguồn thu từ sử dụng đất hàng năm)?

- Ban KTNS HĐND tỉnh thấy rằng nguồn vốn đầu tư tập trung chủ yếu tập trung tại cấp tỉnh, của cấp huyện quản lý chỉ được phân bổ 15% nguồn cân đối NSDP (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi NSDP); nguồn thu cấp huyện được hưởng đã được quy định tại Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND<sup>2</sup>, khả năng cân đối kinh phí của các huyện, thành phố để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia khó.

Dự toán năm 2022 của tỉnh Cao Bằng đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 96/NQ-HĐND, có chi cho các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 là 2.269.333 triệu đồng, Vì vậy Ban KTNS đề nghị ngân sách cấp tỉnh cần làm chủ lực để đảm bảo nguồn vốn đối ứng thực hiện Chương trình, đồng thời cấp huyện cũng cần có đối ứng để nâng cao trách nhiệm của các địa phương và các địa phương có quyền chủ động điều hành đối với một phần ngân sách. Ban đề nghị nội dung này cần được sửa lại như sau:

*“1. Mức đối ứng từ nguồn vốn ngân sách địa phương*

*Ngân sách tỉnh, huyện đối ứng 5% (Trong đó cấp tỉnh đối ứng 4%, cấp huyện đối ứng 1%) số vốn ngân sách Trung ương giao theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg để thực hiện Chương trình. Ngoài ra, căn cứ vào điều kiện, khả năng cân đối thực tế, cấp tỉnh, cấp huyện bố trí thêm vốn ngân sách để thực hiện nhằm đạt các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình”*

+ Đề nghị giải trình căn cứ đề xuất nội dung *“Hỗ trợ từ ngân sách tỉnh: Hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn với mức 04 triệu đồng/hộ để giải quyết tình trạng thiếu đất ở; 04 triệu đồng/hộ làm nhà ở”?*

+ Đề nghị giải trình rõ nguyên tắc, tiêu chí nào để đảm bảo các địa phương được phân bổ công bằng đối với nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh?

+ Đối với nội dung Hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện: đề nghị không quy định nội dung phân bổ của cấp huyện để đảm bảo quy định về phân cấp thẩm quyền.

<sup>2</sup> về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022 – 2025

### **(5) Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh và điều khoản thi hành**

Đề nghị gộp điều quy định trách nhiệm của UBND tỉnh và điều khoản thi hành thành là “Điều khoản thi hành”, gồm 2 khoản, cụ thể như sau:

*“1. Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại quy định này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.*

*2. Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.”*

### **(6) Đối với nội dung tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách thực hiện từng tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình ở tỉnh**

Dự thảo quy định Tiêu chí, định mức để phân bổ vốn đầu tư và vốn sự nghiệp để thực hiện 10 dự án (trong đó: dự án 3 có 02 tiểu dự án; dự án 5 có 04 tiểu dự án; dự án 9 có 02 tiểu dự án; dự án 10 có 03 tiểu dự án). Ban có ý kiến đề nghị UBND tỉnh như sau:

- Giải trình cơ chế các nội dung lồng ghép, bố trí vốn để thực hiện các dự án, trong khi nguyên tắc bố trí vốn không có nội dung lồng ghép vốn?

- Có thông tin thêm cho đại biểu về kết quả thực hiện đề án sát nhập các xã đã được TW phê duyệt (nhằm giải quyết các khó khăn do sát nhập), để làm căn cứ cho các đại biểu HĐND tỉnh quyết định việc Bổ sung tiêu chí chỉ xã ĐBKK thực hiện sát nhập địa giới hành chính được đưa vào tiêu chí phân bổ trên địa bàn tỉnh<sup>3</sup>.

- Quy định rõ cơ quan cấp tỉnh được phân bổ, cụ thể như sau: vốn sự nghiệp của tiểu dự án 1 của dự án 3; vốn đầu tư của tiểu dự án 2 của dự án 10; vốn sự nghiệp của tiểu dự án 3 của dự án 10;

- Ban nhất trí với việc thay đổi tiêu chí để thực hiện phân bổ vốn đầu tư để thực hiện công trình nước sinh hoạt tập trung (tại dự án 1) và vốn đầu tư để thực hiện tiểu dự án 1 (của dự án 5<sup>4</sup>) để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tuy nhiên, tại tiểu dự án 1 (của dự án 5) cần giải thích lại như sau: “*Tổng số điểm (A1,A2) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các trường cần đầu tư, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị theo kế hoạch hoặc đề án được phê duyệt*”.

Tuy nhiên, Ban không nhất trí với việc thay đổi tiêu chí để phân bổ vốn đầu tư công để thực hiện tiểu Dự án 1(của dự án 4)<sup>5</sup>. Vì theo Quyết định 39 Vốn đầu tư có phương pháp tính điểm theo 02 nhóm tiêu chí: **1- nhóm tiêu chí cơ bản** (là xã đặc biệt khó khăn có 12 nội dung tiêu chí); **2- nhóm tiêu chí ưu tiên** (xã ĐBKK đồng thời là ATK hoặc xã biên giới- có 01 nội dung tiêu chí và tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK có 01 nội dung tiêu chí). Đề nghị áp dụng phương pháp tính của Trung ương để đảm bảo đúng nguyên tắc về thứ tự ưu tiên bố trí vốn, qua đó góp phần để đảm bảo hoàn thành được mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

<sup>3</sup> Vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2 của dự án 3 (phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư cho cấp huyện); Phân bổ vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1 của dự án 4 (Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi)

<sup>4</sup> Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

<sup>5</sup> Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Phân phân bổ vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1 (dự án 9)<sup>6</sup>: Đề nghị có quy định “*Vốn cho sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng không quá 10% vốn tiểu dự án phân bổ cho địa phương*”. Lý do không phân bổ vốn đầu tư theo tiêu chí “Đài phát thanh-truyền hình” tại Tiểu dự án 1 (của dự án 10)<sup>7</sup>.

- Về tỷ lệ vốn phân bổ vốn cho các sở, ngành cấp tỉnh, địa phương để thực hiện các dự án có một số điểm đề nghị như sau:

+ Tiểu dự án 2 (của dự án 3)<sup>8</sup>: Bổ sung Sở Khoa Học- Công nghệ là cơ quan cấp tỉnh được phân bổ vốn sự nghiệp; Quy định phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý trên địa bàn cấp huyện: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án là thấp, đề nghị nâng lên và quy định rõ vùng trồng để phân bổ vốn tập trung.

+ Tiểu dự án 2 và Tiểu dự án 4 (của dự án 5)<sup>9</sup>: Dự thảo bố trí vốn sự nghiệp để Ban dân tộc 100% là chưa phù hợp, đề nghị phân về cho các huyện thực hiện để phù hợp với tình hình từng địa phương.

+ Tại dự án 6<sup>10</sup>: Đối với vốn đầu tư, đề nghị nói rõ căn cứ để phân bổ vốn không quá 20% vốn đầu tư cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh? Đối tượng được đầu tư theo dự án là bao nhiêu di tích? Khả năng đáp ứng vốn thế nào? Đối với vốn sự nghiệp: Đề nghị nói rõ căn cứ để phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quá 40%?

Còn 03 nội dung tiêu chí không có trong Quyết định 39 nhưng dự thảo đưa ra để phân bổ vốn sự nghiệp cho các huyện: “*Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số*”; “*Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”; “*Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số*”. Đề nghị cho biết căn cứ để đưa ra số điểm để tính phân bổ vốn?

+ Tại dự án 7<sup>11</sup>: đề nghị đưa ra căn cứ để phân bổ vốn không quá 70% cho Sở Y tế?

+ Tại dự án 8<sup>12</sup>: Dự thảo quy định: “*Phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh không quá 50%*”. Đề nghị quy định rõ mức phân bổ đối với từng đơn vị: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và căn cứ để phân bổ?

<sup>6</sup> Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

<sup>7</sup> Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CT MTQG

<sup>8</sup> Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

<sup>9</sup> Về Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình 2021-2025 ở các cấp

<sup>10</sup> Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch:

<sup>11</sup> Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: vốn sự nghiệp

<sup>12</sup> Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em:

+Tại tiểu Dự án 2 (của Dự án 9)<sup>13</sup>: dự thảo quy định Ban Dân tộc tỉnh, Sở Y tế không quá 50%. Đề nghị bổ sung các cơ quan khối Đoàn thể là đơn vị được phân bổ và làm rõ mức phân bổ vốn sự nghiệp đối với từng đơn vị ?

+ Tại tiểu dự án 1 (của dự án 10)<sup>14</sup>: dự thảo quy định Ban Dân tộc và Sở Tư pháp không quá 60%. Đề nghị bổ sung các cơ quan khối Đoàn thể là đơn vị được phân bổ và làm rõ mức phân bổ vốn sự nghiệp đối với từng đơn vị ?

Trên cơ sở giải trình của UBND tỉnh, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, xem xét quyết định.

## **II. Dự thảo nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025**

**1. Về hồ sơ trình thẩm tra:** UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết**

Theo quy định tại khoản 1, Điều 19, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg; Căn cứ quy định nêu trên, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đúng quy định.

**3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành các nghị quyết:**

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng và trình HĐND tỉnh đảm bảo đúng quy trình và thẩm quyền, nội dung cơ bản đã bám sát các quy định của Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Qua thẩm tra còn các ý kiến như sau:

**4. Về bố cục của văn bản và căn cứ ban hành nghị quyết**

- Về bố cục của văn bản: Dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết về nội dung được bố cục theo "chương, mục, điều, khoản, điểm". Tuy nhiên, để phù hợp với các Nghị quyết khác của HĐND tỉnh, Ban KTNS đề nghị bỏ nội dung "chương, mục" và bố cục theo "Điều, khoản, điểm" trong dự thảo quy định kèm theo nghị quyết.

- Về căn cứ ban hành nghị quyết: Ban KTNS đề nghị bổ sung nội dung: “*Thực hiện Quyết định số Số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025*”.

- Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết Ban KTNS đề nghị sửa lại thành: “*Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.*”

<sup>13</sup> Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

<sup>14</sup> Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm, báo cáo đột xuất theo quy định của pháp luật về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025”.

## **5. Về nội dung quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết**

### **a. Về quy định phạm vi điều chỉnh:**

#### **(1) Về phạm vi điều chỉnh**

Đề phù hợp với quy định tại Điều 1 và Khoản 1 Điều 19 của Quyết định số 02 năm 2022 của thủ tướng, theo đó quy định phạm vi điều chỉnh như sau:

*“Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025”*

Các nội dung khác dự thảo có đưa ra đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành của luật NSNN, Luật đầu tư công, Luật giám sát..

#### **(2). Về quy định nguyên tắc phân bổ vốn:**

Đề nghị có bổ sung 01 điều để quy định *“phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước hằng năm và giai đoạn”* để đảm bảo các sở, ngành, địa phương nắm được số vốn trung hạn sẽ được phân bổ, đồng thời đảm bảo công tác phân bổ vốn hàng năm không bị dàn trải. Vì theo số vốn TW phân bổ hàng năm ít, có thể năm nay ưu tiên đầu tư cho 1 số địa phương trước để đảm bảo vốn tập trung, và các năm sau phân bổ cho địa phương khác. Tuy nhiên tổng vốn trong trung hạn của các đơn vị không đổi.

- Nguyên tắc bố trí vốn cho các sở, ngành, địa phương không vượt quá mức Trung ương giao.

#### **(3). Về trách nhiệm của ủy ban nhân dân tỉnh và điều khoản thi hành**

Đề nghị gộp trách nhiệm của ủy ban nhân dân tỉnh và điều khoản thi hành thành 1 Điều là *“Điều khoản thi hành”* và soạn thảo ngắn gọn gồm 2 khoản, cụ thể như sau: **“Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại quy định này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.”

#### **(4) Về quy định mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, huyện)**

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh tính toán dự kiến tổng số vốn cần phải đối ứng cho Chương trình giai đoạn 2021-2025 là bao nhiêu? Lý do đưa ra tỷ lệ vốn đối ứng giữa tỉnh và huyện? Tỷ lệ phân chia vốn từ tỉnh xuống huyện, xã?

- Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình rõ nguồn vốn đối ứng từ nguồn vốn chi đầu tư phát triển là bao nhiêu, nguồn vốn chi thường xuyên (chi cho nhiệm vụ, chương trình mục tiêu) là bao nhiêu?



Đề nghị UBND tỉnh cân đối để đảm bảo nguồn vốn đối ứng thực hiện các CT MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025, hiện nay Ban KTNS nhận được văn bản của 06 huyện thì 03 huyện (Thạch an và Hà Quảng, Bảo Lâm không có nguồn đối ứng); 02 huyện (Hòa An và Hạ Lang nhất trí đối ứng 1,5% cho Chương trình); huyện Quảng Hòa: nhất trí đối ứng nhưng dự kiến gặp khó khăn . Các thành viên Ban cũng đề nghị đề cấp huyện đối ứng 1% để nâng cao trách nhiệm các địa phương, vì vậy, ban đề nghị: quy định như sau:

**“Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương:** Ngân sách địa phương đối ứng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách cấp tỉnh 2%, ngân sách cấp huyện 1%. Ngoài ra, căn cứ vào điều kiện, khả năng cân đối thực tế, cấp tỉnh, cấp huyện bố trí thêm vốn ngân sách để thực hiện nhằm đạt các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình”

Đề nghị giải trình rõ nguyên tắc, tiêu chí nào để đảm bảo các địa phương được phân bổ công bằng đối với nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh?

**- Đối với nội dung tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách thực hiện từng tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình ở tỉnh:**

**+ Nhóm các vấn đề chung của các dự án:**

(1) Đề nghị rà soát lại bố cục của dự thảo, theo như hiện nay thì khó theo dõi

(2) Bổ sung tiêu chí ưu chí phân bổ

Đề nghị cho biết căn cứ để đưa ra tiêu chí số xã sát nhập của huyện? căn cứ để đưa hệ số để tính? Do các xã, các huyện khi thực hiện sát nhập đơn vị hành chính đã có đề án để thực hiện (nhằm giải quyết các khó khăn do sát nhập), nay lại có tiêu chí bổ sung liệu có phù hợp không? TW không quy định?

**+ Cụ thể với các dự án:**

(1) Dự án 3 (Tại tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng) phân bổ 100% vốn trung ương cho các huyện, thành phố là chưa phù hợp. Đề nghị phân bổ cho các sở, ngành có liên quan ở tỉnh (y tế, thông tin truyền thông) để thực hiện.

(2) Dự án 4 (Tại tiểu dự án 1) Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn. Cấp tỉnh chỉ phân bổ cho Sở Lao động TB –XH là chưa phù hợp, đề nghị bổ sung Sở Công Thương để phục vụ công tác khuyến công.

(3) Dự án 5. Hỗ trợ nhà cho hộ Nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Đề nghị giải trình căn cứ để quy định: “ngân sách địa phương hỗ trợ: xây nhà mới 4.000.000đồng/nhà; sửa chữa nhà 10.000.000đồng/nhà (đối với các nhà sửa chữa “3 cứng”, hỗ trợ theo thực tế sửa chữa).

(4) Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Hiện nay cơ quan cấp tỉnh chỉ có Sở Thông tin và truyền thông và Sở Lao động – Thương binh- xã hội được phân bổ vốn. Đề nghị bố trí vốn để các cơ quan đoàn thể cùng thực hiện.

(5) Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

- Đề nghị căn cứ đề đưa “*định mức phân bổ cho cấp xã tối thiểu 2 triệu đồng/xã/năm*”; *định mức phân bổ cho cấp huyện tối thiểu 200 triệu đồng/năm ..., không phân bổ bình quân*); số còn lại giao Sở Lao động.. trong khi TW có tiêu chí, hệ số phân bổ.

### **III. Dự thảo Nghị quyết Quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025.**

**1. Về hồ sơ trình thẩm tra:** UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

#### **2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết**

Theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của NSĐP thực hiện Chương trình. Trong đó giao UBND tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Căn cứ quy định nêu trên, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đúng quy định.

#### **3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành các nghị quyết:**

Dự thảo Nghị quyết được áp dụng quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy trình rút gọn. Dự thảo Nghị quyết được xây dựng và trình HĐND tỉnh đảm bảo đúng quy trình và thẩm quyền, nội dung cơ bản đã bám sát các quy định của Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

#### **4. Đối với kết cấu bộ cục của dự thảo nghị quyết**

Qua thẩm tra còn các ý kiến như sau:

- Đề nghị bỏ căn cứ thứ 8 là Quyết định số 263/QĐ-TTg để phù hợp với khoản 1, điều 61 của Nghị định số 34/2016 của Chính phủ, quy định: "**căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật** có hiệu lực pháp lý cao hơn..". Nếu cần thiết để Quyết định 263/QĐ-TTg làm căn cứ ban hành nghị quyết, Ban KTNS đề nghị thay từ "căn cứ" bằng từ "thực hiện".

- Tại trang 1 dự thảo nghị quyết: " xét tờ trình số", Ban KTNS đề nghị bỏ cụm từ "của hội đồng nhân dân tỉnh" sau cụm từ "về dự thảo Nghị quyết".

- Về hiệu lực thi hành: đây là nghị quyết được xây dựng, ban hành theo thủ tục rút gọn nên hiệu lực có thể có hiệu lực ngay kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành theo quy định tại khoản 2, điều 151 Luật Ban hành VBQPPL.

Đề nghị chỉnh sửa thành 07 điều (bỏ cụm từ: “Điều 8.” trong dự thảo Nghị quyết”). Theo đó, quy định kèm theo dự thảo nghị quyết có 07 điều sau:

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.

**Điều 2.** Đối tượng áp dụng.

**Điều 3.** Mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình.

**Điều 4.** Cơ chế thực hiện Chương trình.

**Điều 5.** Nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

**Điều 6.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm về kết quả thực hiện Chương trình.

**Điều 7.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **5. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết**

### **(1). Tại Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Theo Điều 1 và Khoản 6 Điều 9 QĐ 07, không có nội dung "thẩm định và giao kế hoạch" đầu tư trung hạn và đầu năm. Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Chương II Luật đầu tư công (theo Khoản 1 Điều 5 Nghị định 27).

Trong phạm vi điều chỉnh có nội dung: "tỷ lệ số lượng công trình/dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù", tuy nhiên trong dự thảo Nghị quyết không có điều khoản quy định nội dung này

Do đó, đề nghị sửa lại phạm vi điều chỉnh, bỏ cụm từ: "tỷ lệ số lượng công trình/dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù" và "thẩm định và giao kế hoạch".

### **(2). Tại Điều 4. Cơ chế thực hiện Chương trình**

- Tại trang 4 (khổ đầu tiên) của dự thảo, nội dung: Đào tạo nghề cho nông thôn, đề nghị chỉnh sửa theo Điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định 263/QĐ-TTg, cụ thể: “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện).”

- Tại trang 4, điểm b) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần từng nội dung cụ thể, phần còn lại huy động từ các tổ chức kinh tế, nhân dân và huy động hợp pháp khác

+ Nội dung này, Quyết định 263/QĐ-TTg chỉ nói chung là: Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung..., còn mức hỗ trợ cụ thể: 98%, 95%, 90% do cơ quan soạn thảo xây dựng. Đề nghị giải trình căn cứ tính toán định mức hỗ trợ như trên?

+ Mức hỗ trợ của ngân sách Nhà nước đối với nội dung: "Nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM đã đạt chuẩn" là bao nhiêu? Dự thảo Nghị quyết thiếu nội dung này.

- Tại trang 5, điểm c) Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện các nội dung

+ Cơ quan soạn thảo đã xây dựng mức hỗ trợ của ngân sách tỉnh và ngân sách huyện để hỗ trợ các công trình, dự án thuộc các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, theo đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 20%, ngân sách huyện và huy động từ đóng góp là 10%. Đề nghị giải trình căn cứ tính định mức hỗ trợ? Việc lấy ý kiến đối với địa phương, nhân dân chịu sự tác động? Dự kiến mức huy động từ đóng góp của nhân dân và các nguồn hợp pháp khác?

+ Đề nghị bổ sung thêm các nội dung của cơ chế hỗ trợ quy định Điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định 263/QĐ-TTg (trang 21 QĐ 263/QĐ-TTg) vào dự thảo Nghị quyết để đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định của Chính phủ (dự thảo Nghị quyết chưa quy định đầy đủ).

### **(3). Tại Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước**

- Tại trang 7, khoản 1. Nguyên tắc phân bổ

+ Bổ sung thêm điểm a khoản 7 Điều 3 của Quyết định 07/2022/QĐ-TTg vào khoản 1 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

*"h) Nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022) được tiếp tục thực hiện theo cơ chế hỗ trợ như giai đoạn 2016 - 2020 và căn cứ theo dự toán ngân sách nhà nước năm 2014."*

- Tại trang 7, khoản 2. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2021: Dự thảo Nghị quyết đã bỏ hệ số phân bổ đối với xã đặc biệt khó khăn, đề nghị làm rõ, giải trình thêm đối với nội dung này?

- Tại trang 8, khoản 3. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025:

Nội dung: *"Căn cứ số xã tính đến hết năm 2021 (trừ các xã đặc biệt khó khăn) xem xét bổ sung thêm cho các xã thuộc diện sáp nhập (từ 02 xã sáp nhập thành một xã) thêm hệ số tăng thêm 50% (0,5 lần so với xã không thuộc diện sáp nhập)".* Đề nghị giải trình căn cứ pháp lý xây dựng nội dung này?

- Tại trang 8, khoản 4. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương: đề nghị chỉnh sửa như sau:

*"4. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương*

*Căn cứ tổng mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương giao, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội*

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt.”

- Tại trang 8, khoản 5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương. Ban KTNS nhận được văn bản của 06 huyện thì 03 huyện (Thạch an và Hà Quảng, Bảo Lâm không có nguồn đối ứng); 02 huyện (Hòa An và Hạ Lang nhất trí đối ứng 1,5% cho Chương trình); huyện Quảng Hòa: nhất trí đối ứng nhưng dự kiến gặp khó khăn. Các thành viên Ban cũng đề nghị đề cấp huyện đối ứng 1% để nâng cao trách nhiệm các địa phương, vì vậy, Ban đề nghị:

a) Hằng năm, ngân sách cấp tỉnh đối ứng tối thiểu 4% tổng vốn NSTW hỗ trợ trực tiếp thực hiện chương trình.

b) Hằng năm, ngân sách huyện, thành phố đối ứng 1% tổng vốn NSTW hỗ trợ trực tiếp thực hiện chương trình.

## **B. CÁC NGHỊ QUYẾT CÁ BIỆT**

### **I. Dự thảo Nghị quyết về chủ trương chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022**

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và đúng thẩm quyền, cụ thể như sau:

**1. Đối với nội dung đề nghị chuyển loại rừng:** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển loại rừng đối với 03 hồ sơ đề nghị chuyển loại rừng từ quy hoạch rừng phòng hộ sang rừng sản xuất, với tổng diện tích 2,07 ha. Qua thẩm tra Ban không nhất trí thông qua vì những nguyên nhân sau:

- Giấy đề nghị chuyển loại rừng của các chủ rừng ký tên đề nghị trong Biểu tổng hợp diện tích dự kiến vùng xin chuyển loại rừng phòng hộ sang sản xuất giữa các chủ đồng sở hữu không đúng tên. Đề nghị giải trình rõ sự hợp pháp của Giấy đề nghị chuyển loại rừng này?

- Trong hồ sơ UBND tỉnh trình không có văn bản nào của cơ quan chuyên môn chưa khẳng định được việc chuyển loại rừng có đáp ứng các điều kiện chuyển loại rừng được quy định tại (Khoản 1 điều 18 Luật lâm nghiệp quy định: “1. Việc chuyển loại rừng này sang loại rừng khác phải đáp ứng các điều kiện sau đây a) Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp; b) Đáp ứng các tiêu chí phân loại rừng; c) Có phương án chuyển loại rừng).

- Trong phương án chuyển loại rừng: đánh giá hiện trạng là núi đá, có cây bụi và dây leo không thành rừng, diện tích chỉ có 0,29ha. Đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ phương án trồng rừng sản xuất từ những cây gì trên diện tích núi đá này.

### **2. Đối với nội dung đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng (04 hồ sơ):**

- Về thẩm quyền: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng 2,62 ha rừng trồng<sup>15</sup> để triển khai thực hiện 04 dự án: Dự án Nâng

<sup>15</sup> Rừng trồng quy hoạch rừng phòng hộ: 1,09 ha, rừng trồng quy hoạch rừng sản xuất 1,53 ha

cấp, cải tạo đường tỉnh 205; Dự án Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pồng - Đức Hạnh (Cầu qua Sông Gâm), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Dự án Cầu Bản Đe (Sông Gâm) và đường kết nối Quốc lộ 34 - xã Quảng Lâm, xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Dự án Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng là đúng quy định<sup>16</sup>.

- Về hồ sơ trình: Qua đối chiếu với “quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 1, Nghị định số 83 ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp”, thì hiện nay “Vị trí” chưa được quy định chi tiết đến “*lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính*” theo quy định.

- Về nội dung: hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của các dự án được khẳng định là phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; kế hoạch sử dụng đất (năm 2022); quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (UBND tỉnh có văn bản đề xuất với Trung ương).

Ban nhất trí chủ trương chuyển mục đích sử dụng 2,62 ha rừng trồng để triển khai thực hiện các dự án nêu trên với điều kiện UBND tỉnh dự thảo lại nội dung “*vị trí*” theo quy định của Nghị định số 83 ngày 15/7/2020 của Chính phủ.

Ban KTNS đề nghị kỳ họp HĐND xem xét quyết định.

## **II. Dự thảo Nghị quyết phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 nguồn ngân sách địa phương.**

### **1. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết ban hành nghị quyết**

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công quy định:

*Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau.*

Theo các căn cứ nêu trên việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 nguồn ngân sách địa phương là cần thiết và đúng thẩm quyền.

### **2. Về hồ sơ trình**

Hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được UBND tỉnh xây dựng đảm bảo đúng quy trình, được các ngành, các địa phương tham gia góp ý kiến, phản biện, thẩm định. Cơ quan soạn thảo đã có báo cáo tiếp thu, giải trình.

### **3. Về nội dung của dự thảo nghị quyết**

<sup>16</sup> Khoản 3, Điều 20, Luật Lâm nghiệp quy định: “*HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư*”.

- Nội dung dự thảo nghị quyết: UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân 158.553,557415 triệu đồng cho 24 dự án, cụ thể về nguồn vốn như sau:

+ Vốn ngân sách địa phương (theo Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020): có 18 dự án với tổng số vốn đề xuất kéo dài là: 116.078,943520 triệu đồng.

+ Vốn tăng thu ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác: số vốn đề xuất kéo dài thực hiện là 409,422895 triệu đồng (01 dự án).

+ Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh: số vốn đề xuất kéo dài thực hiện là 32.151,191 triệu đồng (03 dự án).

+ Nguồn tiết kiệm chi: số vốn đề xuất kéo dài thực hiện là 9.910,0 triệu đồng (02 dự án).

#### **4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách**

Các dự án thực hiện kéo dài thời gian thực hiện giải ngân vốn năm 2021 sang năm 2022 cơ bản phù hợp với quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020. Tuy nhiên, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình rõ các nội dung sau:

- Giải trình rõ nguyên nhân, lý do, trách nhiệm của chủ đầu tư của từng dự án kéo dài thời gian giải ngân vốn?

- Đối với các dự án và số kế hoạch vốn năm 2021 chưa giải ngân hết, không kéo dài sang năm 2022. Sau khi xác định được chính xác số liệu thì đề nghị thu hồi số vốn hết nhiệm vụ chi về ngân sách tỉnh để xem xét, phân bổ lại cho các dự án quan trọng, dự án có nhu cầu vốn, đề nghị UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ tháng 7 năm 2022 để xem xét, quyết định.

- Báo cáo giải trình nguyên nhân, lý do, nêu các căn cứ đủ điều kiện để thực hiện kéo dài giải ngân vốn năm 2021 sang năm 2022 của 02 dự án đã quá thời gian thực hiện:

1. Dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới (**QĐ số 1734/QĐ-UBND ngày 16/12/2012**).

2. Dự án: Bồi thường, hỗ trợ và TĐC đường phía Nam khu đô thị mới, TPCB (Lý trình km0+00-Km 5+896,52), (**QĐ số:2236/QĐ-UBND ngày 31/12/2012**)

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhất trí 22 dự án đủ điều kiện để thực hiện kéo dài giải ngân vốn năm 2021 sang năm 2022.

Đối với 02 Dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới; Bồi thường, hỗ trợ và TĐC đường phía Nam khu đô thị mới, Thành phố Cao Bằng (Lý trình km0+00-Km 5+896,52) dự án quá thời gian thực hiện. Ban đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét quyết định;

**III. Dự thảo Nghị quyết thông qua nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đến năm 2015, tỷ lệ 1/10.000.**

#### **1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành nghị quyết**

- Căn cứ khoản 2 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, đối với việc điều

chỉnh qui hoạch chung Thành phố Cao Bằng, phạm vi mở rộng đến một số xã của huyện Hòa An ( qui hoạch vùng liên huyện) thì UBND cấp tỉnh là cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch và trình Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi UBND tỉnh phê duyệt đồ án.

- Đối với sự cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Cao Bằng, tờ trình của UBND tỉnh không đề cập đến nội dung này. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình bổ sung.

**2. Về hồ sơ trình thẩm tra gồm:** chỉ có tờ trình và dự thảo nghị quyết, thiếu hồ sơ nhiệm vụ điều chỉnh và các văn bản pháp lý có liên quan.

### **3. Về nội dung dự thảo nghị quyết**

- Đề nghị UBND tỉnh báo cáo đánh giá kết quả tổ chức thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cao Bằng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000.

- Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Bằng đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000. Tuy nhiên, tại văn bản số 2985/UBND-KT ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh đề xuất phương án lập Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021-20230, tầm nhìn đến 2050. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ tại sao lại chỉ điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Cao Bằng đến năm 2045 ?

- Quy mô, ranh giới lập quy hoạch:

+ Quy mô diện tích nghiên cứu quy hoạch từ 13.000ha lên 15.900ha. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ?

+ Ranh giới lập quy hoạch: mở rộng thêm xã Hoàng Tung và thị trấn Nước Hai? Theo quy hoạch trước đây được phê duyệt lấy một phần của xã Bạch Đằng, xã Lê Chung (huyện Hòa An), hiện nay 2 xã này lấy toàn bộ hay 1 phần?

- Căn cứ khoản 5 Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 quy định “5. *Nhiệm vụ quy hoạch là các yêu cầu về nội dung nghiên cứu và tổ chức thực hiện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để lập đồ án quy hoạch đô thị*”. Đề nghị UBND tỉnh xác định rõ thời gian hoàn thành nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch (*trong dự thảo nghị quyết không có thời gian thực hiện*).

Ban KTNS đề nghị hai tổ đại biểu HĐND tỉnh đơn vị thành phố Cao Bằng, huyện Hòa An và các đại biểu HĐND tỉnh tham dự kỳ họp thảo luận, xem xét quyết định.

## **C. CÁC NGHỊ QUYẾT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B, C**

### **1. Tổng số dự án do UBND tỉnh trình:**

- Tổng số: 18 hồ sơ dự án. Trong đó:

+ Dự án phê duyệt chủ trương đầu tư: 11 dự án.

+ Dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư: 7 dự án.

### **2. Về hồ sơ trình thẩm tra:**

Căn cứ Khoản 3- Điều 11- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, gồm: Tờ trình, Hồ sơ kèm theo tờ trình, Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định BC ĐX điều chỉnh CTĐT và các tài liệu liên quan khác.



Hồ sơ các dự án do UBND trình cơ bản đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên, một số dự án các tài liệu liên quan gửi kèm theo còn thiếu Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án theo quy định tại các khoản 2,3,4 Điều 33 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo thẩm định nguồn vốn của các dự án còn thiếu hồ sơ theo các ý kiến tại cuộc họp thẩm tra.

### **3. Về Nội dung Báo cáo ĐX điều chỉnh CTĐT:**

Căn cứ Điều 34- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Điểm a - Khoản 3- Điều 11- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: Nội dung các Báo cáo Đề xuất chủ trương đầu tư (CTĐT) và Báo cáo Đề xuất điều chỉnh CTĐT do UBND tỉnh trình đầy đủ 8 nội dung theo quy định (chi tiết nội dung từng dự án Ban KTNS có báo cáo thẩm tra riêng gửi kèm theo).

### **4. Các dự án cần UBND tỉnh giải trình**

#### **4.1. Đối với các dự án bố trí vốn kéo dài từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030**

Qua thẩm tra, Ban KTNS thấy rằng: có 05 dự án (03 dự án phê duyệt chủ trương đầu tư, 02 dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư) thời gian thực hiện dự án và nguồn vốn bố trí cho dự án kéo dài từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030, cụ thể các dự án sau:

#### **- 03 dự án phê duyệt chủ trương đầu tư:**

1- Dự án Trung tâm điều hành, công và giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Chu Trinh: TMĐT 90 tỷ đồng (bố trí sang giai đoạn 2026-2030: 40 tỷ đồng từ nguồn cân đối NSDP).

2- Dự án Trùng tu tôn tạo các di tích thuộc Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó xã Trường Hà, huyện Hà Quảng: TMĐT 60 tỷ đồng (bố trí sang giai đoạn 2026-2030: 55 tỷ đồng từ nguồn cân đối NSDP).

3- Dự án Hạ tầng kỹ thuật đô thị Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng: TMĐT 17 tỷ (bố trí sang giai đoạn 2026-2030: 16,5 tỷ đồng từ nguồn Đầu tư XDCB vốn tập trung trong nước).

#### **- 02 dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư**

1- Dự án Đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An: Điều chỉnh cơ cấu vốn, thời gian, cụ thể: - Phương án đã được duyệt: Ngân sách trung ương: 100.792 triệu đồng, ngân sách địa phương: 96,151 tỷ đồng. Đề nghị điều chỉnh thành: Ngân sách trung ương (kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025: 100,792 tỷ đồng); Ngân sách trung ương (kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030: 96,151 tỷ đồng). Thời gian thực hiện dự án từ 2022 - 2025 sang 2023 - 2026.

2- Dự án Quảng trường Phục Hòa, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng: TMĐT 13 tỷ đồng, Quy mô đầu tư không đổi so với chủ trương đầu tư đã được phê duyệt, dự

án điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: từ năm 2022-2024 sang năm 2026-2028 (bố trí sang giai đoạn 2026-2030: 12,5 tỷ đồng từ nguồn cân đối NSDP)

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ:

(1) Báo cáo dự kiến tổng số nguồn vốn chi đầu tư phát triển của tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2026-2030. Trong đó báo cáo cụ thể theo từng nguồn vốn.

(2) Báo cáo tổng số dự án, số vốn của từng dự án, tổng số vốn theo từng nguồn vốn cần bố trí vốn kéo dài từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030?

(3) Báo cáo khẳng định: Theo quy định tại khoản 2 - Điều 89 luật đầu tư công quy định: Tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các công trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

(4) Việc bố trí vốn thực hiện 2 dự án của huyện Quảng Hòa sang giai đoạn 2026-2030, có đảm bảo thực hiện mục tiêu nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIX, đến năm 2025 đô thị Phục Hòa được công nhận đô thị loại IV.

#### **4.2. Đối với các dự án đề xuất nguồn tăng thu NSDP (nguồn thu sử dụng đất và tăng thu từ đất)**

Qua thẩm tra, Ban KTNS thấy rằng: có 05 dự án, trong đó 03 dự án đề xuất nguồn tăng thu NSDP (nguồn thu sử dụng đất và tăng thu từ đất); 01 dự án đề xuất nguồn tăng thu NSDP và ngân sách huyện bố trí; 01 dự án điều chỉnh nguồn vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác sang nguồn thu sử dụng đất, cụ thể như sau:

1- Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng phân lô dân cư (khu D Phục Hòa cũ): Tổng mức đầu tư 10.000 triệu đồng.

2- Dự án: Khu tái định cư và Khu đô thị 2A, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Tổng mức đầu tư 100.000 triệu đồng.

3- Dự án phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Khuổi Đưa, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Tổng mức đầu tư 120.000 triệu đồng.

4 - Dự án Trường THCS Minh Thanh, huyện Nguyên Bình: Tổng mức đầu tư 4.000 triệu đồng.

5- Dự án: Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Tổng mức đầu tư 282.183 triệu đồng.

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ:

(1) Báo cáo giải trình đối với các dự án trình phê duyệt chủ trương đầu tư không có tên trong danh mục dự kiến đầu tư tại báo cáo số 3431/BC-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh trình kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, UBND tỉnh đã dự kiến danh mục các nhiệm vụ, chương trình, dự án dự kiến sử dụng Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết và Số vốn giảm dự phòng từ 10% xuống 5% tại các phụ biểu số 5 và phụ biểu 6.

(2) Báo cáo giải trình khi bổ sung 05 dự án nêu trên có làm phát sinh thêm ngoài 1.897.686,537 triệu đồng nguồn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết? Tính khả thi từ nguồn vốn này?

(3) Dự án: Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ đối tượng thuộc diện GPMB để nhà đầu tư khai thác khoáng sản, có đúng đối tượng được bố trí tái định cư từ nguồn vốn thu sử dụng đất và tăng thu từ đất (233,083 triệu đồng) không?

### **5. Dự án Ban KTNS chưa nhất trí đề nghị đại biểu thảo luận thêm**

Dự án Xử lý, nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh trình điều chỉnh giảm quy mô, điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư của dự án. Qua thẩm tra Ban KTNS thấy rằng:

- Việc đầu tư nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng là rất cần thiết, dự án nằm trong danh mục các dự án ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 22/4/2015. Dự án đã được phê duyệt chủ đầu tư tại quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 22/11/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng, với tổng mức đầu tư là 14,987 tỷ đồng, bao gồm 15 hạng mục đầu tư.

- Tuy nhiên, theo công văn số 3629/UBND-TH ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án phải cắt giảm các hạng mục để phù hợp với tổng mức đầu tư điều chỉnh từ 14,987 tỷ đồng xuống 10 tỷ đồng, và cắt giảm 04 hạng mục sau:

- + Lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 1000 kg/giờ (24 tấn/1 ngày).
- + Bãi phân loại rác thải.
- + Đường băng cản lửa.
- + Giải phóng mặt bằng, mở rộng.

- Sau khi nghe UBND huyện Trùng Khánh (chủ đầu tư) giải trình các nội dung và đề xuất kiến nghị: Lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 1000 kg/giờ (24 tấn/1 ngày) đã được đầu tư. Tuy nhiên, các hạng mục: Bãi phân loại rác thải, Giải phóng mặt bằng mở rộng rất cần thiết để huyện làm hồ xử lý chôn lấp và Đường băng cản lửa rất cần thiết để phòng chống nguy cơ cháy lan sang các vùng xung quanh. Qua thảo luận, phân tích, các thành viên Ban KTNS có ý kiến như sau:

(1) Lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 1000 kg/giờ (24 tấn/1 ngày) đã được đầu tư, Ban KTNS nhất trí điều chỉnh giảm hạng mục này.

(2) Các hạng mục Ban KTNS không nhất trí điều chỉnh giảm gồm 03 hạng mục là: Bãi phân loại rác thải; Đường băng cản lửa; Giải phóng mặt bằng mở rộng. Các thành viên Ban KTNS cho rằng: việc đầu tư xây dựng bãi rác cần được đầu tư bản bản, đầy đủ các hạng mục cần thiết, đảm bảo hiệu quả sử dụng lâu dài, tránh việc cải tạo, nâng cấp nhiều lần, gây bức xúc cho người dân sinh sống gần bãi rác thải.

(3) Chi phí dự phòng sau khi cắt giảm còn: 43,519 triệu đồng không đúng theo quy định, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh tính toán lại chi phí dự phòng theo đúng quy định tại điểm 6, Mục 1, phụ lục II, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng: Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 5%; Chi phí dự phòng trượt giá nhỏ hơn hoặc bằng 5%.

(4) Nguồn vốn thực hiện dự án: Ban KTNS không nhất trí giảm tổng mức đầu tư dự án xuống 10 tỷ, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư tính toán cho phù hợp với thực tế và Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh, bố trí vốn cho Dự án này là: 15 tỷ đồng (từ nguồn vốn ngân sách tập trung tỉnh bố trí) để triển khai thực hiện dự án.

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư khẩn trương hoàn chỉnh lại hồ sơ theo hướng chỉ cắt giảm 01 hạng mục: Lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 1000 kg/giờ và tính toán lại chi phí dự phòng theo đúng quy định tại điểm 6, Mục 1, phụ lục II, Thông tư số 11/2021/TT-BXD.

Ban KTNS đề nghị các đại biểu xem xét, thảo luận.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với các hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh khoá XVII. Kính trình kỳ họp xem xét, thảo luận và quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp;
- Văn phòng Đoàn ĐBHQ và HĐND tỉnh: CVP, PCVP, phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**

**La Văn Hồng**